

**QUYẾT ĐỊNH**  
**SƠ THẨM GIẢI QUYẾT VIỆC DÂN SỰ**  
**V/v tuyên bố một người mất năng lực hành vi dân sự**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 5 - HÀ NỘI**

*Với thành phần giải quyết việc dân sự gồm có:*

Chủ tọa phiên họp: Bà **Lý Thị Tường Nga** – Thẩm phán.

Thư ký phiên họp: Bà **Nguyễn Thị Hằng** – Thư ký Tòa án.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân khu vực 5 - Hà Nội tham gia phiên họp: Ông **Bùi Bách Thành** – Kiểm sát viên.

Ngày 11/9/2025, tại Trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 5 - Hà Nội mở phiên họp sơ thẩm công khai giải quyết việc dân sự thụ lý số 145/2025/TLST-VDS ngày 18/8/2025 về yêu cầu tuyên bố một người mất năng lực hành vi dân sự theo Quyết định mở phiên họp số 04/2025/QĐST-VDS ngày 04/9/2025, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- *Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:* Bà **Nguyễn Thị Ng**, sinh năm 1957; CCCD số 001157034987; HKTT và nơi ở: Tổ 9, P. PL, LB, HN;

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

+ Chị **Đoàn Thị N**, sinh năm 1978; CCCD số 001178029706; Địa chỉ: Phố Ngô Xuân Quảng, xã Gia Lâm, Hà Nội;

+ Chị **Đoàn Thị Ánh Ng**, sinh năm 1981; CCCD số 001181004243; Địa chỉ: Thôn Viên Ngoại, xã Thuận An, Hà Nội;

+ Anh **Đoàn Thế Đán** (mất năm 2022); Người thừa kế quyền và nghĩa vụ của anh Đán: Chị **Nguyễn Thị Kim Ch**- sinh năm 1977 (vợ); CCCD số 001177001781 và chị **Đoàn Trường A**-sinh năm 1998 (con); CCCD số 001198016395; Địa chỉ: Tổ 9, phường Phúc Lợi, Hà Nội;

*(Bà Ngát, chị Nga, chị Ngọc, chị Chung, chị An có đơn xin vắng mặt)*

**NỘI DUNG VIỆC DÂN SỰ:**

Theo đơn yêu cầu và lời khai của bà Nguyễn Thị Ng: Bà Ngát và ông Đoàn Thế Đ (sinh năm 1955; CCCD số 001055023964; HKTT và nơi ở: Tổ 9, phường Phúc Lợi, Hà Nội) đã đăng ký kết hôn ngày 02/01/1976 tại UBND xã Hội xã, huyện Gia Lâm (nay là phường Phúc Lợi) thành phố Hà Nội và đã được UBND phường Phúc Lợi cấp trích lục kết hôn bản sao số 20/TLKH-BS ngày 05/05/2016 và đã sinh được 04 người con:

1. Con trai Đoàn thể Đán - sinh năm 1976
2. Con gái Đoàn Thị N – sinh năm 1978
3. Con gái Đoàn Thị Ánh Ng – sinh năm 1981
4. Con gái Đoàn Thị Hoa – sinh năm 1985

Ngoài ra bà Ngát và ông Đạo không có con chung hay con riêng nào khác

Anh Đoàn Thể Đán đã chết ngày 17/02/2022 theo Trích lục khai tử số 19/TLKT do UBND Phường Phúc Lợi cấp ngày 18/02/2022. Khi còn sống anh Đán đã kết hôn với chị Nguyễn Thị Kim Ch - sinh năm 1977 và đã có 01 người con chung là cháu Đoàn Trường A - sinh năm 1998. Ngoài cháu Đoàn Trường A ra, anh Đán không có con chung hay con riêng nào khác.

Hiện nay, ông Đoàn Thế Đ là thương binh hạng 1, tuổi cao, mang nhiều bệnh lý nền và di chứng chiến tranh, phải nằm liệt giường, không còn khả năng tự đi lại, giao tiếp hay khả năng nhận thức, kiểm soát hành vi. Gia đình phải chăm sóc toàn bộ sinh hoạt cá nhân trong thời gian dài, tình trạng sức khỏe và nhận thức ngày càng sa sút, không có khả năng hồi phục. Với tình trạng như trên của ông Đạo, bà Ngát đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu tuyên bố ông Đạo mất năng lực hành vi dân sự để gia đình giải quyết các thủ tục pháp lý có liên quan. Bà Ngát yêu cầu được làm người giám hộ, đại diện theo pháp luật của ông Đạo và cử chị Nguyễn Thị Kim Ch là người giám sát giám hộ.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là chị Đoàn Thị N, chị Đoàn Thị Ánh Ng, chị Đoàn Thị Hoa, chị Nguyễn Thị Kim Ch, chị Đoàn Trường A đều đồng ý với yêu cầu của bà Nguyễn Thị Ng, yêu cầu Tòa án tuyên bố ông Đoàn Thế Đ mất năng lực hành vi dân sự và đồng ý cử bà Ngát là người giám hộ, đại diện theo pháp luật của ông Đạo, đồng ý cử chị Chung là người giám sát giám hộ.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 5 – Hà Nội phát biểu quan điểm: Về trình tự, thủ tục, Tòa án đã tiến hành đúng quy định pháp luật. Về nội dung, đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu của bà Nguyễn Thị Ng và tuyên bố ông Đoàn Thế Đ mất năng lực hành vi dân sự, cử bà Nguyễn Thị Ng là giám hộ, đại diện pháp luật của ông Đạo, cử chị Nguyễn Thị Kim Ch là người giám sát giám hộ.

## **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ việc dân sự được thẩm tra tại phiên họp; ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tại phiên họp, Tòa án nhân dân khu vực 5 - Hà Nội nhận định:

**[1]. Về tố tụng:**

[1.1]. Hiện ông Đoàn Thế Đ có địa chỉ tại Tổ 9, phường Phúc Lợi, Hà Nội nên yêu cầu “Tuyên bố một người mất năng lực hành vi dân sự” của bà Nguyễn Thị Ng đối với ông Đạo thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 5 – Hà Nội theo quy định tại Điều 27, 35 và 39 Bộ luật tố tụng dân sự, khoản 2 Điều 1 Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Bộ luật tố tụng dân sự, luật tố tụng hành chính, luật tư pháp người chưa thành niên, luật phá sản và hoà giải tại Tòa án số 85/2025/QH15.

[1.2]. Người yêu cầu là bà Nguyễn Thị Ng, những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là chị Đoàn Thị N, chị Đoàn Thị Ánh Ng, chị Đoàn Thị Hoa, chị Nguyễn Thị Kim Ch, chị Đoàn Trường A đều có đơn xin giải quyết vắng mặt tại phiên họp nên Tòa án vẫn tiến hành mở phiên họp theo quy định tại khoản 2, 3 Điều 367 của Bộ luật tố tụng dân sự.

**[2]. Về nội dung:**

[2.1]. Bà Nguyễn Thị Ng (là vợ hợp pháp của ông Đoàn Thế Đ) yêu cầu tuyên bố ông Đoàn Thế Đ mất năng lực hành vi dân sự và cử bà Ngát là giám hộ, đại diện pháp luật của ông Đạo, cử chị Nguyễn Thị Chung là người giám sát việc giám hộ. Những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là chị Đoàn Thị N, chị Đoàn Thị Ánh Ng, chị Đoàn Thị Hoa, chị Nguyễn Thị Kim Ch, chị Đoàn Trường A đều thống nhất với yêu cầu của bà Nguyễn Thị Ng.

[2.2]. Xét yêu cầu giải quyết việc dân sự của bà Nguyễn Thị Ng thì thấy: Sau khi thụ lý việc yêu cầu tuyên bố một người mất năng lực hành vi dân sự của bà Nguyễn Thị Ng đối với ông Đoàn Thế Đ, Tòa án nhân dân khu vực 5 – Hà Nội ban hành Quyết định trưng cầu giám định số 09/2025/QĐ-TCGD ngày 19/8/2025 để trưng cầu Viện pháp lý tâm thần trung ương Biên Hòa giám định sức khỏe tâm thần để kết luận về khả năng nhận thức và điều khiển hành vi của ông Đoàn Thế Đ.

Tại Kết luận giám định pháp y tâm thần theo trưng cầu số 258/KL-VPYTW ngày 29/8/2025 của Viện pháp lý tâm thần trung ương Biên Hòa đã kết luận: “*Tại thời điểm giám định đối tượng Đoàn Thế Đ bị bệnh: Mất trí sau chấn thương sọ não. Theo phân loại bệnh quốc tế lần thứ 10 năm 1992, bệnh có mã số F02.8. Mất trí ở mức độ nặng. Đối tượng mất khả năng nhận thức và điều khiển hành vi*”

Do đó việc bà Nguyễn Thị Ng yêu cầu Tòa án tuyên bố ông Đoàn Thế Đ bị mất năng lực hành vi dân sự là có căn cứ, phù hợp với quy định tại Điều 22 Bộ luật dân sự nên cần được chấp nhận.

[2.3]. Việc các đương sự thống nhất cử bà Nguyễn Thị Ng là người giám

hộ, đại diện pháp luật cho ông Đoàn Thế Đ, cử chị Nguyễn Thị Kim Ch là người giám sát việc giám hộ là đúng quy định của pháp luật nên cần được chấp nhận.

[2.4]. Tại phiên họp, quan điểm của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ, phù hợp với quy định pháp luật nên được chấp nhận.

[3]. Về chi phí trưng cầu giám định: Căn cứ Điều 161 Bộ luật tố tụng dân sự, bà Nguyễn Thị Ng phải chịu lệ phí trưng cầu giám định theo quy định pháp luật và đã nộp đủ.

[4]. Về lệ phí yêu cầu giải quyết việc dân sự: Bà Nguyễn Thị Ng là người cao tuổi nên thuộc trường hợp được miễn nộp lệ phí yêu cầu theo quy định.

[5]. Người yêu cầu, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

### **QUYẾT ĐỊNH:**

- Căn cứ: khoản 1 Điều 27; điểm a khoản 2 Điều 35; điểm a khoản 2 Điều 39; các Điều 150; 161; 367; 370; 371; 372; 376 và 378 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Căn cứ khoản 2 Điều 1 Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Bộ luật tố tụng dân sự, luật tố tụng hành chính, luật tư pháp người chưa thành niên, luật phá sản và hoà giải tại Tòa án số 85/2025/QH15;

- Căn cứ các Điều 22, 51, 57, 58 và 59 của Bộ luật dân sự;

- Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

- Căn cứ Luật phí và Lệ phí năm 2015;

1. Chấp nhận yêu cầu giải quyết việc dân sự của bà Nguyễn Thị Ng.

Tuyên bố ông Đoàn Thế Đ (sinh năm 1955; CCCD số 001055023964; HKTT và nơi ở: Tổ 9, phường Phúc Lợi, Hà Nội) là một người mất năng lực hành vi dân sự.

Cử bà Nguyễn Thị Ng là người giám hộ của ông Đoàn Thế Đ. Bà Ngát thực hiện quyền, nghĩa vụ của người giám hộ theo quy định của pháp luật cho đến khi có sự thay đổi khác.

Cử chị Nguyễn Thị Kim Ch là người giám sát việc giám hộ. Chị Chung thực hiện quyền, nghĩa vụ của người giám sát việc giám hộ theo quy định của pháp luật cho đến khi có sự thay đổi khác.

2. Về chi phí trưng cầu giám định: Bà Nguyễn Thị Ng chịu toàn bộ chi phí giám định. Bà Nguyễn Thị Ng đã nộp đủ.

3. Về lệ phí giải quyết việc dân sự: Bà Nguyễn Thị Ng được miễn lệ phí theo quy định của pháp luật.

4. Về quyền kháng cáo, kháng nghị: Đương sự vắng mặt tại phiên họp được quyền kháng cáo quyết định giải quyết việc dân sự trong thời hạn 10 (Mười) ngày kể từ ngày nhận được quyết định. Viện kiểm sát nhân dân khu vực 5 – Hà Nội có quyền kháng nghị trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày Tòa án ra quyết định.

5. Về quyền yêu cầu thi hành án, nghĩa vụ thi hành án, thời hiệu yêu cầu thi hành án:

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

**Nơi nhận:**

- Các đương sự;
- VKSND khu vực 5 – Hà Nội;
- Phòng THADS khu vực 5 - Hà Nội;
- TAND thành phố Hà Nội;
- Lưu hồ sơ, văn phòng;

**THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN HỌP**

**Lý Thị Tường Nga**

Mẫu số 22-VDS (Ban hành kèm theo Nghị quyết số 04/2018/NQ-HĐTP ngày 09 tháng 8 năm 2018 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao)

TÒA ÁN NHÂN DÂN.....<sup>(1)</sup>

-----

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

-----

Số: ...../...../QĐST-.....<sup>(2)</sup>

....., ngày ..... tháng ..... năm .....

**QUYẾT ĐỊNH  
SƠ THẨM GIẢI QUYẾT VIỆC DÂN SỰ**

V/v<sup>(3)</sup> .....

TÒA ÁN NHÂN DÂN .....

**Thành phần giải quyết việc dân sự gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên họp: Ông (Bà) .....

Các Thẩm phán: <sup>(4)</sup> Ông (Bà) .....

Ông (Bà) .....

**Thư ký phiên họp:** Ông (Bà)<sup>(5)</sup> .....

**Đại diện Viện kiểm sát nhân dân ..... tham gia phiên họp:**

Ông (Bà)..... - Kiểm sát viên.

Ngày..... tháng..... năm....., tại<sup>(6)</sup> .....mở phiên họp sơ thẩm công khai giải quyết việc dân sự thụ lý số .... / .... / TLST-.... ngày.... tháng .... năm..... về việc<sup>(7)</sup> .....theo Quyết định mở phiên họp sơ thẩm giải quyết việc dân sự số ..... / ..... / QĐST-..... ngày.... tháng.... năm....., gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:<sup>(8)</sup> .....

Người đại diện hợp pháp của người yêu cầu giải quyết việc dân sự:<sup>(9)</sup> .....

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người yêu cầu giải quyết việc dân sự: <sup>(10)</sup> .....

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:<sup>(11)</sup> .....

Người đại diện hợp pháp của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:<sup>(12)</sup> .....

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:<sup>(13)</sup> .....

- Người làm chứng (nếu có):<sup>(14)</sup> .....

- Người phiên dịch (nếu có):<sup>(15)</sup> .....

- Người giám định (nếu có):<sup>(16)</sup> .....

**NỘI DUNG VIỆC DÂN SỰ:<sup>(17)</sup>**

.....

.....  
.....  
.....  
.....

### NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ việc dân sự được thẩm tra tại phiên họp; ý kiến của các đương sự và đại diện Viện kiểm sát tại phiên họp, Tòa án nhân dân .....nhận định:<sup>(18)</sup>

[1] .....

[2].....

[3].....

.....

### QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ<sup>(19)</sup>.....

- <sup>(20)</sup>.....

- Lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự<sup>(21)</sup>.....

- Quyền kháng cáo, kháng nghị<sup>(22)</sup>.....

- Quyền yêu cầu thi hành án, nghĩa vụ thi hành án, thời hiệu yêu cầu thi hành án<sup>(23)</sup> .....

.....

#### Nơi nhận:

- Ghi theo quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều 370 Bộ luật Tố tụng dân sự;
- Lưu: Hồ sơ việc dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG GIẢI QUYẾT VIỆC DÂN SỰ**  
**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN HỌP** <sup>(24)</sup>  
(Ký tên, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

#### Hướng dẫn sử dụng mẫu số 22-VDS:

(1) Ghi tên Tòa án ra quyết định; nếu là Tòa án nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương thì ghi rõ tên Tòa án nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương nào (ví dụ: Tòa án nhân dân huyện Thường Tín, thành phố Hà Nội); nếu là Tòa án nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương thì ghi Tòa án nhân dân tỉnh (thành phố) đó (ví dụ: Tòa án nhân dân tỉnh Hà Nam).

(2) Ô thứ nhất ghi số, ô thứ hai ghi năm, ô thứ ba ghi ký hiệu loại quyết định (ví dụ: “Số: 20/2018/QĐST-KDTM”).

(3) Ghi loại việc dân sự mà Tòa án thụ lý giải quyết.

(4) Nếu việc dân sự do một Thẩm phán giải quyết thì không cần ghi nội dung này.

(5) Ghi họ tên, chức danh của Thư ký phiên họp.

- (6) Ghi địa điểm diễn ra phiên họp (ví dụ: trụ sở Tòa án nhân dân huyện Ý Yên, tỉnh Nam Định).
- (7) Ghi số, ký hiệu, ngày tháng năm thụ lý việc dân sự và loại việc dân sự mà Tòa án thụ lý giải quyết.
- (8) Nếu người yêu cầu là cá nhân thì ghi rõ họ tên, địa chỉ nơi cư trú, nơi làm việc (nếu có) của người đó; nếu là người chưa thành niên thì sau họ tên cần ghi thêm ngày, tháng, năm sinh của người đó; nếu là cơ quan, tổ chức thì ghi tên cơ quan, tổ chức và địa chỉ trụ sở của cơ quan, tổ chức đó.
- (9) Chỉ ghi khi có người đại diện hợp pháp của người yêu cầu và ghi họ tên, địa chỉ nơi cư trú, nơi làm việc (nếu có) của người đó; ghi rõ là người đại diện theo pháp luật hay người đại diện theo ủy quyền của người yêu cầu; nếu là người đại diện theo pháp luật thì ghi chú trong ngoặc đơn quan hệ giữa người đó với người yêu cầu; nếu là người đại diện theo ủy quyền thì ghi chú trong ngoặc đơn “văn bản ủy quyền ngày ... tháng ... năm ....”
- Ví dụ 1: Ông Nguyễn Văn A, trú tại..... là người đại diện theo pháp luật của người yêu cầu (Tổng Giám đốc Công ty cổ phần xây dựng Tân Phước Thịnh).
- Ví dụ 2: Bà Lê Thị B, trú tại .....là người đại diện theo ủy quyền của người yêu cầu (Văn bản ủy quyền ngày..... tháng.... năm....).
- (10) Chỉ ghi khi có người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người yêu cầu và ghi họ tên, địa chỉ nơi cư trú, nơi làm việc (nếu có) của người đó (nếu là Luật sư thì ghi là Luật sư của Văn phòng luật sư nào và thuộc Đoàn luật sư nào); nếu có nhiều người yêu cầu thì ghi cụ thể bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho người yêu cầu nào.
- (11) Ghi tương tự như hướng dẫn tại điểm (8).
- (12) Ghi tương tự như hướng dẫn tại điểm (9).
- (13) Ghi tương tự như hướng dẫn tại điểm (10).
- (14) Ghi họ tên và địa chỉ nơi cư trú, nơi làm việc (nếu có) của người làm chứng.
- (15) Ghi họ tên và địa chỉ nơi làm việc của người phiên dịch; nếu không có nơi làm việc thì ghi địa chỉ nơi cư trú.
- (16) Ghi họ tên và địa chỉ nơi làm việc của người giám định; nếu không có nơi làm việc thì ghi địa chỉ nơi cư trú.
- (17) Ghi rõ những nội dung mà người yêu cầu yêu cầu Tòa án giải quyết.
- (18) Ghi nhận định của Tòa án và những căn cứ để chấp nhận hoặc không chấp nhận yêu cầu. Trong phần này, các đoạn văn được đánh số thứ tự trong dấu [].
- (19) Ghi rõ điểm, khoản, điều luật tương ứng của Bộ luật Tố tụng dân sự và pháp luật liên quan để ra quyết định.
- (20) Ghi các quyết định của Tòa án về giải quyết việc dân sự.
- (21) Ghi rõ những người phải nộp lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự và mức lệ phí mỗi người phải nộp; nếu thuộc trường hợp không phải nộp (hoặc được miễn, giảm) lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự thì ghi rõ là không phải nộp (hoặc được miễn, giảm) lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự.
- (22) Ghi quyết định của Tòa án về quyền kháng cáo, kháng nghị của đương sự và Viện kiểm sát.
- (23) Chỉ ghi quyền yêu cầu thi hành án, nghĩa vụ thi hành án, thời hiệu yêu cầu thi hành án theo quy định của Luật Thi hành án dân sự đối với những quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 482 Bộ luật Tố tụng dân sự.
- (24) Trường hợp việc dân sự do một Thẩm phán giải quyết thì ghi:

**“THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN HỌP**  
(Ký tên, ghi rõ họ tên, đóng dấu)”